

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA GIAO THÔNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ HÒA**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND xã Phú Hòa)*

*DVT: Ngân đồng.*

STT	Tên dự án	Địa điểm	TMDT được duyệt	Ngân sách hỗ trợ	Nhân dân đóng góp			Ghi chú
			TMDT	Tổng	Tổng	Tổng đã thu đến nay	Tỷ lệ	
<b>I</b>	<b>CÔNG TRÌNH XHH GTNT ĐÃ QUYẾT TOÁN, NHƯNG CHƯA TÁT TOÀN</b>		<b>175,960,952</b>	<b>139,784,500</b>	<b>36,284,757</b>	<b>26,018,084</b>		<b>10,266,672</b>
1	Đường tổ 3 ấp 6 xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	756,375	519,683	236,692	182,281	77.0%	54,411
2	Đường tập đoàn 61 xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	844,782	587,387	257,395	151,215	58.7%	106,180
3	Đường liên ấp 1,2,4,5, xã Phú Lợi	Phú Lợi 1,2,4,5	1,651,206	1,134,701	516,505	426,292	82.5%	90,213
4	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	1,234,297	962,917	271,380	164,337	60.6%	107,043
5	Đường nội đồng tổ 3 ấp 6 xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	1,678,159	1,327,971	350,188	337,465	96.4%	12,724
6	Đường tổ 4 ấp 6 xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	614,351	487,402	126,949	114,116	89.9%	12,833
7	Đường nhánh tổ 3 ấp 6, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	504,246	311,265	192,981	71,668	37.1%	121,313
8	Đường nhánh liên ấp 1,2,4,5, xã Phú Lợi	Phú Lợi 1,2,4,5	238,836	150,013	88,823	70,369	79.2%	18,454
9	Đường nội đồng tổ 2 ấp 6, xã Phú Lợi	Phú Lợi 2	393,149	307,040	86,109	72,939	84.7%	13,170
10	Đường nội đồng Tập đoàn 57, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	1,522,697	1,199,648	323,049	176,684	54.7%	146,365
11	Đường nội đồng KM120 - tập đoàn 57, Phú Lợi	Phú Lợi 3	1,252,041	986,722	265,319	150,748	56.8%	114,571
12	Đường nối đồng Km118 đoạn 1 (từ km0+00 đến km1+500), xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	1,554,649	1,246,063	308,586	196,796	63.8%	111,790
13	Đường nối đồng Km118 đoạn 2 (từ km1+500 đến km3+00), xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	1,164,942	917,739	247,203	167,160	67.6%	80,043
14	Đường Phú Lợi đi thị trấn Định Quán, xã Phú Lợi	Phú Lợi 4,5	3,637,350	3,021,037	616,313	500,182	81.2%	116,131
15	Đường nội đồng xóm Huế đi đường be 117	Phú Lợi 3	3,182,152	2,484,646	697,506	464,234	66.6%	233,272
16	Các nhánh đường nội đồng đường Phú Lợi - Phú Hoà	Phú Lợi 3	3,589,952	2,800,645	789,307	418,701	53.0%	370,606
17	Nâng cấp đường be 117 xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	3,050,945	2,674,645	376,300	155,116	41.2%	221,184
18	Nâng cấp đường vào cánh đồng lúa xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	2,362,315	2,070,025	292,290	208,122	71.2%	84,168
19	Nâng cấp đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	4,018,587	3,531,406	487,181	200,385	41.1%	286,796
20	Nâng cấp Đường tổ 1 ấp 6 (đoạn 2) xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	387,080	303,490	83,590	44,028	52.7%	39,562
21	Nâng cấp đường nội đồng tổ 3 ấp 6 xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	4,356,713	3,821,271	535,442	156,221	29.2%	379,221
22	Nâng cấp mở rộng đường phố 3 ấp 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 2	1,622,671	1,268,986	353,685	334,572	94.6%	19,114
23	Nâng cấp đường hẻm 56 ấp 3, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	545,842	424,690	121,152	105,127	86.8%	16,025
24	Nâng cấp đường liên ấp 1,2,4,5 (đoạn 2), xã Phú Lợi	Phú Lợi 1,2,4,5	2,494,374	2,127,628	366,746	263,550	71.9%	103,196
25	Nâng cấp đường phố 4 ấp 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 2	1,696,840	1,288,770	408,070	326,652	80.0%	81,418
26	Nâng cấp đường phố 5 ấp 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 2	1,969,290	1,496,775	472,515	419,794	88.8%	52,721
27	Nâng cấp đường phố 6 ấp 5, xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	2,821,548	2,135,623	685,925	650,691	94.9%	35,234
28	Nâng cấp đường phố 2 ấp 1, xã Phú Lợi	Phú Lợi 1	2,553,970	2,163,592	390,378	336,389	86.2%	53,989
29	Nâng cấp đường liên ấp 1-4, xã Phú Lợi	Phú Lợi 1,4	2,982,411	2,265,535	716,876	596,009	83.1%	120,867
30	Nâng cấp đường phố 2 ấp 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 2	2,578,177	2,180,833	397,344	389,965	98.1%	7,379
31	Nâng cấp đường phố 6 ấp 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 2	2,290,219	1,734,144	556,075	480,250	86.4%	75,825
32	Nâng cấp đường nội đồng be 118 (đường nối đồng tập đoàn 61), xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	8,789,750	6,476,778	2,312,972	1,122,560	48.5%	1,190,412
33	Đường tổ 2 ấp 6 xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	1,508,141	1,142,505	365,636	271,225	74.2%	94,411
34	Đường vào cánh đồng cao sang, xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	477,490	382,100	95,390	89,919	94.3%	5,471
35	Đường KDC 2,3,4 ấp 1 xã Phú Hòa	Phú Hòa 1	1,033,271	719,369	313,902	267,755	85.3%	46,147
36	Đường KDC 14 ấp 3, xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	616,734	429,309	187,425	105,000	56.0%	82,425
37	Đường KDC 10, 12 ấp 3, xã Phú hòa	Phú Hòa 3	921,508	640,099	281,409	215,948	76.7%	65,461
38	Đường KDC 11 ấp 3, xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	614,268	426,766	187,502	94,049	50.2%	93,453
39	Đường KDC 9B ấp 3, xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	631,498	550,938	80,560	61,930	76.9%	18,630
40	Đường giao thông nội đồng vào cánh đồng máy cày (đoạn 2), xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	747,632	653,557	94,075	0	0.0%	94,075
41	Đường KDC 6+20 ấp 2, xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	813,342	519,227	294,115	195,555	66.5%	98,560
42	Đường vào nhà Ông Châu nổi dãi (hẻm Thầy Đức), xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	688,670	466,087	222,583	158,916	71.4%	63,667
43	Đường bê tông nối Phú Hòa - Gia Canh, xã phú hòa	Phú Hòa 2	852,361	577,714	274,647	153,439	55.9%	121,208
44	Đường Nghĩa địa (đoạn 1), xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	1,747,437	1,361,932	385,505	259,650	67.4%	125,855
45	Đường Nghĩa địa (đoạn 2), Xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	410,168	324,097	86,071	26,800	31.1%	59,271
46	Nâng cấp đường nội đồng vào cánh đồng máy cày xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	3,325,009	2,895,240	429,769	149,584	34.8%	280,185
47	Nâng Cấp đường nội đồng nối Phú Hòa -Gia Canh, xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	1,048,301	922,267	126,034	97,300	77.2%	28,734
48	Đường Phú Hòa - Gia Canh (đoạn 1), xã Phú Hòa	Phú Hòa 2,4	2,808,788	2,455,591	353,197	95,500	27.0%	257,697
49	Đường Be ranh giới Phú Hòa - Trà Cổ, xã Phú Hòa	Phú Hòa 1	1,894,334	1,285,888	608,446	353,190	58.0%	255,256
50	Đường KDC 7 hẻm bà Nga xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	121,249	88,507	32,742	23,352	71.3%	9,390
51	Đường nối ấp 4 với trung tâm xã, xã Phú Hòa	Phú Hòa 4	2,225,422	1,804,077	421,345	224,900	53.4%	196,445
52	Đường nối KDC 22- KDC16 ấp 4 xã phú hòa	Phú Hòa 4	1,107,621	790,882	316,739	0	0.0%	316,739
53	Đường Liên ấp 2, 3, 4 (đoạn 1), xã Phú Hòa	Phú Hòa 2,3,4	2,282,547	1,768,350	514,197	506,360	98.5%	7,837
54	Nâng cấp đường nội đồng vào cánh đồng Bàu tre, xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	1,006,831	897,579	109,252	69,890	64.0%	39,362
55	Đường KDC 15 ấp 2, xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	1,214,494	952,370	262,124	200,640	76.5%	61,484
56	Nâng cấp đường KDC 16 ấp 4, xã Phú Hòa	Phú Hòa 4	2,796,163	2,199,278	596,885	430,040	72.0%	166,845
57	Đường KDC 7 ấp 2, xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	356,531	280,362	76,169	62,290	81.8%	13,879
58	Nâng cấp đường ranh giới Phú Lợi- Phú Hòa,xã Phú Hòa		7,908,244	6,815,975	1,092,269	754,853	69.1%	337,416
59	Đường KDC 3 ấp 1 đi ấp 2 xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	4,947,165	4,348,248	598,917	477,250	79.7%	121,667
60	Đường KDC 10 ấp 3 xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	592,306	465,886	126,420	97,509	77.1%	28,911
61	Nâng cấp đường nối ấp 4 với trung tâm xã Phú Hòa, xã Phú Hòa	Phú Hòa 4	8,130,784	6,324,509	1,806,275	1,281,420	70.9%	524,855
62	Đường KDC 6 ấp 2, xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	1,210,110	944,639	265,471	207,234	78.1%	58,237
63	Nâng cấp đường KDC 7 ấp 2 (nhánh 1), xã Phú Hòa	Phú Hòa 2	907,915	709,625	198,290	175,426	88.5%	22,864
64	Nâng cấp đường ấp 3 (đoạn 1), xã Phú Hòa	Phú Hòa 3	8,685,599	7,591,670	1,093,929	841,600	76.9%	252,329
65	Nâng cấp đường nối KDC 22- KDC 16 ấp 4, xã Phú Hòa	Phú Hòa 4	5,630,772	4,398,964	1,231,808	885,700	71.9%	346,108
66	Đường nối ấp 4 đi khu dân cư ấp 1, xã Phú Hòa	Phú Hòa 1,4	816,199	641,784	174,415	138,731	79.5%	35,684
67	Nâng cấp, mở rộng đường liên ấp 2,3,4 (đoạn từ Km0+00 đến Km0+450), xã Phú Hòa	Phú Hòa 2,3,4	3,403,468	2,650,977	752,491	621,100	82.5%	131,391
68	Đường KDC 4,19 ấp 1, Xã Phú Hòa	Phú Hòa 1	2,314,059	1,643,213	670,846	368,602	54.9%	302,244
69	Đường Liên ấp 1 - 5 xã Phú Điền	Phú Điền 1 - 5	13,020,310	9,733,948	3,286,362	2,680,045	81.6%	606,317
70	Đường ấp 1 Phú Điền	Phú Điền 1	4,246,961	3,171,603	1,075,358	1,023,775	95.2%	51,583
71	Đường ấp 2 Phú Điền	Phú Điền 2	3,076,284	2,298,182	778,102	759,309	97.6%	18,793
72	Đường ấp 3 Phú Điền	Phú Điền 3	3,244,655	2,423,983	820,672	751,670	91.6%	69,002
73	Đường vào Trạm trung chuyển rác ấp 5 Phú Điền	Phú Điền 5	772,513	544,018	228,495	110,770	48.5%	117,725
74	Đường nội đồng N2 ấp 4 Phú Điền	Phú Điền 4	2,903,000	2,398,120	485,000	365,004	75.3%	119,996
75	Đường Nội đồng ấp 5 Phú Điền	Phú Điền 5	934,232	885,299	177,118	171,887	97.0%	5,231
76	Cổng ngang đường Nội đồng Phú Điền	Phú Điền 5	1,778,251	1,449,081	329,170	322,076	97.8%	7,094
77	Đường liên ấp 1,2,4,5 nối dài đoạn 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 1,2,4,5	1,848,400	1,401,615	446,785	416,275	93.2%	30,510
<b>II</b>	<b>CÔNG TRÌNH XHH GTNT MỚI PHẢI THU NĂM 2026</b>		<b>53,576,933</b>	<b>38,864,242</b>	<b>14,712,691</b>	<b>649,332</b>		<b>14,063,359</b>
1	Đường tổ 4 ấp 5 nối dài, xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	1,775,125	1,339,980	435,145	49,425	11.4%	385,720
2	Nâng cấp đường nội đồng Km118 đoạn 1, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	4,278,987	3,214,697	1,064,290	188,000	17.7%	876,290
3	Nâng cấp đường nội đồng Km118 đoạn 2, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	3,472,939	2,612,264	860,675	127,497	14.8%	733,178
4	Nâng cấp đường nội đồng tập đoàn 57, xã Phú lợi	Phú Lợi 3	4,270,006	3,201,598	1,068,408	7,000	0.7%	1,061,408
5	Nâng cấp đường nội đồng tập đoàn 57 đi Phú Hòa, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	4,714,458	3,541,362	1,173,096	20,000	1.7%	1,153,096
6	Nâng cấp đường nội đồng Km 120 - tập đoàn 57, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	4,536,185	3,406,605	1,129,580	0	0.0%	1,129,580
7	Đường Be 123, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	8,100,563	5,713,050	2,387,513	0	0.0%	2,387,513
8	Đường nhánh Be123, xã Phú Lợi	Phú Lợi 3	4,988,114	3,517,378	1,470,736	0	0.0%	1,470,736
9	Đường nội đồng khu chăn nuôi tập trung nối dài ấp 5, xã Phú Lợi	Phú Lợi 5	6,091,341	4,298,220	1,793,121	0	0.0%	1,793,121
10	Đường KDC 1,3 ấp 1, Xã Phú Hòa	Phú Hòa 1	2,127,647	1,508,792	618,855	12,900	2.1%	605,955
11	Đường liên ấp 2,3,4 (đoạn 2) ấp 4, Xã Phú Hòa	Phú Hòa 4	2,880,214	2,038,502	841,712	172,510	20.5%	669,202
12	Đường Be ấp 4, Xã Phú Hòa	Phú Hòa 4	6,341,354	4,471,795	1,869,559	72,000	3.9%	1,797,559
	<b>Tổng</b>		<b>229,537,885</b>	<b>178,648,743</b>	<b>50,997,448</b>	<b>26,667,416</b>		<b>24,330,031</b>